

VDSC



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2009

MỤC LỤC

I.	LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	06
1.	Quá trình hình thành và phát triển	06
2.	Ngành nghề kinh doanh	07
3.	Chiến lược phát triển	08
II.	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
1.	Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm	12
2.	Tình hình thực hiện so với kế hoạch	12
3.	Những thay đổi chủ yếu trong năm	13
III.	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	16
1.	Báo cáo tình hình tài chính	16
2.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	18
3.	Những tiến bộ Công ty đạt được	22
4.	Kế hoạch phát triển trong tương lai	23
IV.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	30
1.	Tình hình kiểm tra tuân thủ pháp luật và kiểm soát nội bộ	30
2.	Kiểm toán độc lập	35

V.	CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	72
1.	Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty	72
2.	Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức	72
3.	Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan	72
VI.	TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	74
1.	Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	74
2.	Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	74
3.	Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm	80
4.	Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động	80
5.	Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	82
VII.	THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	85
1.	Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	85
2.	Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 31/12/2009	88

Thông điệp Chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý vị,

Năm 2009 là một năm đầy dấu ấn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Do ảnh hưởng mạnh mẽ từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, thị trường chứng khoán Việt Nam quý I đã sụt giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 4 năm qua. Tuy nhiên, sau hàng loạt các giải pháp kích thích kinh tế của Chính phủ, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những chuỗi ngày thăng hoa vào cuối năm và tạo tiền đề cho một năm 2010 đầy triển vọng.

Chính thức đi vào hoạt động từ tháng 4/2007, sau 3 năm hoạt động, Công ty Chứng khoán Rồng Việt đã từng bước khẳng định được uy tín và vị thế của một trong các công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, có được sự tin tưởng của khách hàng và đạt nhiều mục tiêu đã đề ra ngay từ khi thành lập. Từ mức vốn điều lệ ban đầu 100 tỷ đồng, hơn 40 cổ đông và 30 nhân viên, đến nay, Công ty Chứng khoán Rồng Việt đã đạt mức điều lệ 330 tỷ đồng, số lượng cổ đông là hơn 500 người, 200 nhân viên với mạng lưới hoạt động đang dần được mở rộng. Kết thúc năm 2009, lợi nhuận trước thuế của VDSC đạt 54.272 triệu đồng, đạt 160,57% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 66.622 triệu đồng và EPS đạt 2.019 đồng/cổ phiếu.

Trên cơ sở nhận thức vai trò của một định chế tài chính trung gian trên thị trường chứng khoán và tin tưởng vào tương lai phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty Chứng khoán Rồng Việt đã mạnh dạn xây dựng một chiến lược phát triển đầy tham vọng với mục tiêu trở thành một trong 5 công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam vào năm 2015 trên cơ sở 3 hoạt động trụ cột là kinh doanh môi giới – ngân hàng đầu tư – đầu tư tài chính. Công ty Chứng khoán Rồng Việt tin tưởng, với chiến lược kinh doanh hợp lý và sự quyết tâm của toàn thể cán bộ nhân viên, VDSC sẽ hoàn thành xuất sắc các mục tiêu kinh doanh và luôn đồng hành cùng quý khách hàng đi tới thành công.

Trân trọng.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGUYỄN THÀNH LONG

Phát triển bền vững,
vươn đến tầm cao



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



**LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY**

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Quá trình

hình thành và phát triển

VDSC được UBCKNN cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 32/UBCK-GPĐKKD ngày 21/12/2006 với số vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Ngày 15/08/2007, UBCKNN đã chấp thuận cho VDSC tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 32/UBCK-GP. Ngày 08/08/2008, VDSC có vốn điều lệ là 330 tỷ đồng theo Giấy phép điều chỉnh số 147/UBCK-GP. Đến ngày 11/03/2010, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho VDSC thay đổi địa điểm trụ sở chính theo Giấy phép số 312/UBCK-GP. Các cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động của VDSC:

- 12 – 2006** Thành lập với vốn điều lệ 100 tỷ đồng.
- 01 – 2007** Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
- 03 – 2007** Trở thành Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM.
- 04 – 2007** Khai trương hoạt động tại trụ sở chính 147 – 149 Võ Văn Tần, P. 6, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.
- 05 – 2007** Trở thành Thành viên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- 08 – 2007** VDSC tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 300 tỷ đồng.
- 12 – 2007** Thành lập Đại lý nhận lệnh Đà Nẵng, Cần Thơ, Nha Trang.
- 02 – 2008** Thành lập Chi nhánh Hà Nội.
- 08 – 2008** VDSC tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm cổ phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 30 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược là Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam.
- 09 – 2008** Thành lập Đại lý nhận lệnh Sài Gòn.
- 10 – 2008** Thành lập Đại lý nhận lệnh Bình Dương.
- 10 – 2008** VDSC nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Trung tâm Thông tin Tín dụng Ngân hàng Việt Nam (CIC) và Tạp chí Chứng khoán Việt Nam – UBCKNN phối hợp tổ chức.

- 02 – 2009** Tham gia kết nối giao dịch trực tuyến với HOSE.
- 03 – 2009** VDSC giới thiệu Hệ thống giao dịch trực tuyến eDragon.
- 06 – 2009** VDSC là 01 trong 10 công ty đầu tiên đăng ký giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán VDS.
- 10 - 2009** VDSC nhận giải thưởng “Thương hiệu chứng khoán uy tín” và Danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu”; nhận giải thưởng Cúp vàng “Công ty Cổ phần hàng đầu Việt Nam” do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam (VASB), Trung tâm Thông tin Tín dụng Ngân hàng Việt Nam (CIC) và Tạp chí Chứng khoán Việt Nam – UBCKNN phối hợp tổ chức lần 2.
- 02 - 2010** Tham gia kết nối giao dịch trực tuyến với HNX.
- 03 - 2010** Chuyển trụ sở chính về Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, Tp. HCM.
- 03 - 2010** Thành lập Chi nhánh Sài Gòn.

Ngành nghề kinh doanh

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.



LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Chiến lược phát triển

Chiến lược Phát triển VDSC giai đoạn 2010-2015:

Mục tiêu: Tối đa hóa giá trị cổ đông, sự hài lòng của khách hàng, niềm tự hào của nhân viên và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng.

Tầm nhìn: VDSC thuộc nhóm 05 công ty chứng khoán hàng đầu và tốt nhất Việt Nam vào năm 2015.

Chiến lược phát triển: Tập trung vào hai nhiệm vụ trọng tâm là củng cố và phát triển. Hoạt động kinh doanh chính của VDSC dựa vào 3 trụ cột chính: Môi giới – Ngân hàng Đầu tư – Đầu tư tài chính. Nghiên cứu khả năng mua lại, sáp nhập hoặc thành lập mới công ty quản lý quỹ nhằm tiếp cận và cung cấp dịch vụ quản lý quỹ-quản lý danh mục đầu tư. Chiến lược phát triển chia thành 02 giai đoạn:

Giai đoạn 1 (2010 – 2012) : Mục tiêu đến năm 2012 là thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam

- **Về vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu:** Đến 2012, vốn điều lệ đạt tối thiểu là 1.000 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt mức tối thiểu là 1.500 tỷ đồng.
- **Về hiệu quả sinh lời:** Đảm bảo duy trì mức lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu ở mức từ 15 – 20% và cổ tức tối thiểu ở mức 15%.
- **Về mạng lưới hoạt động:** Đến 2012, mạng lưới hoạt động bao gồm: 01 Hội sở chính, các Chi nhánh ở Tp. HCM (từ 4-5 Chi nhánh), Hà Nội (2-3 Chi nhánh), Hải Phòng, Đà Nẵng, Nha Trang, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Dương, Vũng Tàu, Cần Thơ, An Giang, Long An...
- **Về sản phẩm dịch vụ:** Cung cấp đầy đủ các sản phẩm và dịch vụ tài chính đồng bộ, đa dạng và có tính cạnh tranh cao nhằm thỏa mãn một cách tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- **Về số lượng tài khoản khách hàng:** Đến năm 2012, đạt tối thiểu 120.000 tài khoản.

Giai đoạn 2 (2013 – 2015): Mục tiêu đến năm 2015 là thuộc nhóm 05 công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam


- Về vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu: Đến 2015, vốn điều lệ đạt tối thiểu là 2.000 tỷ đồng và vốn chủ sở hữu đạt tối thiểu 3.500 tỷ đồng.
- Về hiệu quả sinh lời: Đảm bảo duy trì mức lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu ở mức từ 20-25% và cổ tức tối thiểu ở mức 15%.



Lợi ích khách hàng
là ưu tiên hàng đầu



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

A large, stylized red dragon logo is centered on the page. The dragon is depicted in a circular, overlapping manner, with its body and wings forming a complex, swirling shape. The dragon's head is at the top, and its tail is at the bottom. The logo is rendered in a solid red color.

**BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

Những giải pháp của chính phủ cuối năm 2008 và đầu năm 2009 đã thực sự phát huy tác dụng đối với nền kinh tế và ảnh hưởng tích cực đến thị trường chứng khoán từ quý II năm 2009. Những diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán giúp hoạt động kinh doanh của VDSC đạt được những kết quả khá tích cực. Lợi nhuận trước thuế năm 2009 đạt 54.272 triệu đồng, bằng 160,57% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 66.622 triệu đồng và EPS đạt 2.019 đồng/cổ phần. Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2009 đạt 368.733 triệu đồng, bằng 121,85% so với cuối năm 2008. Tổng tài sản đến 31/12/2009 đạt 926.366 triệu đồng, bằng 258,75% so với cuối năm 2008. Tính đến 31/12/2009, VDSC đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

- **Hoạt động môi giới:** Năm 2009, thị phần môi giới của VDSC tại HOSE vào khoảng 2% và thị phần môi giới tại HNX vào khoảng 1%, thuộc trong top 15 công ty chứng khoán có thị phần cao hiện nay. Ngoài ra, VDSC còn thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán chiếm thị phần lớn nhất về môi giới trái phiếu trên HNX và thị phần môi giới trên sàn UPCoM đạt khoảng 12%, thuộc nhóm 3 công ty dẫn đầu thị trường.
- **Hoạt động tự doanh:** VDSC đẩy mạnh hoạt động tự doanh và đã thu được kết quả khả quan trong hoạt động tự doanh, đóng góp khoảng 60% vào tổng thu nhập của Công ty.
- **Hoạt động tư vấn tài chính:** Gặt hái được nhiều kết quả khả quan khi VDSC đã tư vấn niêm yết thành công cho 04 doanh nghiệp là EIB, CSM, NBB, DXG và 01 doanh nghiệp chuyển sàn niêm yết là CSG. Đồng thời VDSC cũng tư vấn cho một số doanh nghiệp đăng ký giao dịch tại sàn UPCoM.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Với sự phấn đấu và nỗ lực không ngừng của ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty, VDSC không những hoàn thành kế hoạch tất cả các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra mà còn đem lại lợi nhuận cho công ty và bù đắp được phần lớn khoản lỗ năm 2008. Xét về các yếu tố tăng trưởng, VDSC đều có mức tăng trưởng về doanh thu, số lượng tài khoản khách hàng, thị phần...so với năm 2008 và VDSC hiện nay đang nằm trong nhóm 15 công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường.

Chỉ tiêu	KH 2009	TH 2009	% KH
Tổng Doanh thu	117.700	146.830	124,75%
Tổng Chi phí	83.900	93.842	111,85%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	33.800	52.988	156,77%
Lợi nhuận trước thuế	33.800	54.272	160,57%
Lợi ích thuế TNDN hoàn lại	0	12.350	
Lợi nhuận sau thuế	33.800	66.622	197,11%

Đơn vị tính: Triệu đồng

Những thay đổi chủ yếu trong năm

Thị phần môi giới: Là công ty chứng khoán mới thành lập nhưng VDSC đã đạt được những kết quả nhất định trong việc phát triển khách hàng và gia tăng thị phần môi giới. Đến 31/12/2009, VDSC đã quản lý hơn 25.608 tài khoản khách hàng giao dịch chứng khoán và thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có số lượng tài khoản lớn nhất (chiếm khoảng 3% số lượng tài khoản toàn thị trường).

Lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp: Với mối quan hệ chặt chẽ với Eximbank và các định chế đầu tư lớn trong và ngoài nước, VDSC có đủ năng lực tư vấn và huy động vốn cho các doanh nghiệp thông qua các đợt chào bán riêng lẻ, chào bán ra công chúng và tư vấn niêm yết.

Mạng lưới hoạt động: Với mạng lưới hoạt động gồm một trụ sở chính tại Tp. HCM, hai chi nhánh tại Hà Nội, Tp. HCM và các điểm nhận lệnh trực tuyến hợp tác với Eximbank tại các trung tâm kinh tế trọng điểm của cả nước như: Tp. HCM, Đà Nẵng, Cần Thơ, Nha Trang, Bình Dương, VDSC đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu của nhà đầu tư trên cả nước.

Hệ thống công nghệ thông tin: Từ năm 2008 VDSC đã triển khai hàng loạt các dự án đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin phục vụ kinh doanh. Hệ thống công nghệ thông tin được phát triển tốt đáp ứng yêu cầu kết nối với các Sở Giao dịch, giao dịch thông suốt cho nhà đầu tư cũng như việc triển khai các dịch vụ gia tăng trên hệ thống như: giao dịch trực tuyến, quản lý danh mục trực tuyến, giao dịch qua điện thoại,...

Đội ngũ nhân sự: Hội đồng quản trị và Ban điều hành là những người có nhiều kinh nghiệm và am hiểu sâu sắc về thị trường chứng khoán Việt Nam. Đội ngũ nhân sự VDSC là sự kết hợp giữa các nhân sự giàu năng lực, nhiệt huyết và có kinh nghiệm hoạt động lâu năm trên thị trường chứng khoán với các nhân sự trẻ được đào tạo bài bản, có niềm đam mê nghề nghiệp và khát vọng cống hiến cho sự phát triển của VDSC và thị trường chứng khoán Việt Nam.

Cơ sở hạ tầng: Được đầu tư đồng bộ, văn phòng khang trang và được trang bị các phương tiện cần thiết phục vụ cho nhà đầu tư. Địa điểm trụ sở chính đóng tại trung tâm của Tp. HCM, rất thuận tiện cho việc giao dịch của nhà đầu tư.

Nhân lực là
nguồn vốn bền vững



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

A large, stylized red dragon logo is centered on the page. The dragon is depicted in a circular, swirling form, with its body and wings flowing in a clockwise direction. The dragon's head is at the top, and its tail is at the bottom. The logo is rendered in a solid red color.

**BÁO CÁO CỦA BAN
TỔNG GIÁM ĐỐC**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo

tình hình tài chính

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2008	31/12/2009
1. Khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,34
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) Tổng nợ ngắn hạn	Lần	1,38	1,34
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	15,55	60,20
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,18	1,51
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần TSLĐ bình quân	vòng	0,51	0,35
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	%	21,91	22,86
4. Tỷ suất sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	-218,26	45,37
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-56,68	19,86
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân	%	-47,82	10,37
+ Hệ số lợi nhuận từ HĐKD / Doanh thu thuần	%	-220,43	36,09

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và năm 2009 của VDSC)

Đơn vị tính: Đồng

Giá trị sổ sách
thời điểm
31/12/2008 và
31/12/2009

Chỉ tiêu	Giá trị tại 31/12/2008	Giá trị tại 31/12/2009
Tổng giá trị theo sổ sách	302.111.014.497	368.733.088.933
Vốn Điều lệ hiện tại	330.000.000.000	330.000.000.000
Mệnh giá một cổ phần	10.000	10.000
Số cổ phần hiện hành (cổ phần)	33.000.000	33.000.000
Thư giá/cổ phần (đồng/cp)	9.155	11.174

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và năm 2009 của VDSC)

Trong năm 2009, VDSC không có phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ hiện tại là 330 tỷ đồng.

Những thay đổi về vốn cổ đông

- Số lượng : 33.000.000 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Tổng số cổ phiếu đang lưu hành:
(Thời điểm 31/12/2009)

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Đại hội đồng cổ đông đã thông qua quyết định không chi trả cổ tức năm 2009. Tuy nhiên, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 06/03/2010 đã thông qua phát hành thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 6% từ nguồn thặng dư cổ phần của Công ty.

Cổ tức năm 2009



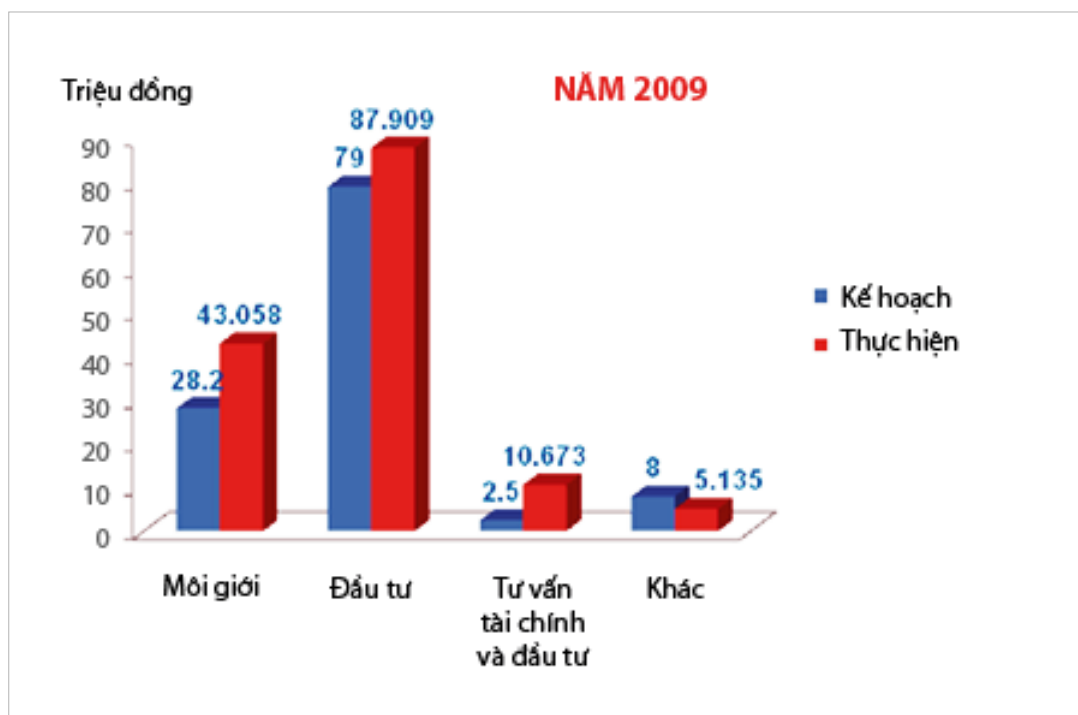
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2009	TH 2009	% KH
TỔNG DOANH THU	117.700	146.830	124,75%
Hoạt động môi giới	28.200	43.058	152,69%
Hoạt động đầu tư	79.000	87.909	111,28%
Hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư	2.500	10.673	426,92%
Hoạt động khác	8.000	5.135	64,19%
TỔNG CHI PHÍ	83.900	93.842	111,85%
Chi phí hoạt động kinh doanh CK	48.900	67.453	137,94%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.000	26.389	75,40%
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HĐKD	33.800	52.988	156,77%
LỢI NHUẬN KHÁC	0	1.284	
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	33.800	54.272	160,57%
LỢI ÍCH THUẾ TNDN HOÀN LẠI	0	12.350	
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	33.800	66.622	197,11%
EPS (đồng)	1.024	2.019	197,17%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và năm 2009 của VDSC)



Doanh thu: Tổng doanh thu năm 2009 bằng 124,75% kế hoạch. Trong đó:

- Doanh thu môi giới chứng khoán đạt 43,06 tỷ đồng, chiếm 29,3% tổng doanh thu, bằng 152,69% kế hoạch năm và tăng 138,42% so với năm 2008.
- Doanh thu tự doanh đạt 87,91 tỷ đồng, chiếm 59,9% tổng doanh thu, bằng 111,28% kế hoạch năm.
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư đạt 10,67 tỷ đồng, chiếm 7,3% tổng doanh thu, bằng 426,92% kế hoạch năm.
- Doanh thu khác đạt 5,14 tỷ đồng, chiếm 3,5% tổng doanh thu, bằng 64,19% kế hoạch năm.

Chi phí: Tổng chi phí năm 2009 bằng 111,85% kế hoạch. Trong đó:

- Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán chiếm 71,9% tổng chi phí và bằng 137,94% kế hoạch.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm 28,1% tổng chi phí và bằng 75,4% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế năm 2009: Đạt 54,27 tỷ đồng, bằng 160,57% kế hoạch năm. Lợi nhuận sau thuế là 66,62 tỷ đồng và EPS đạt 2.019 đồng/cổ phần.

Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2009: Đạt 368,73 tỷ đồng, bằng 121,85% so với cuối năm 2008. Tổng tài sản đến 31/12/2009 đạt 926,36 tỷ đồng, bằng 258,75% so với cuối năm 2008. Tính đến 31/12/2009, VDSC đảm bảo các chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật.

Dịch vụ môi giới chứng khoán:

- **Mạng lưới giao dịch:** VDSC đang triển khai cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán cho khách hàng tại Hội sở, Chi nhánh Hà Nội và 05 đại lý nhận lệnh tại Đà Nẵng, Cần Thơ, Nha Trang, Bình Dương, Tp. HCM.
- **Số lượng khách hàng:** Đến cuối năm 2009, số lượng tài khoản của VDSC đạt 25.608 tài khoản, tăng 18.959 tài khoản, tăng 285% so với cuối năm 2008 và thuộc nhóm 10 công ty chứng khoán có số lượng tài khoản lớn nhất (chiếm khoảng 3% số lượng tài khoản toàn thị trường). Trong đó, 99,35% là tài khoản khách hàng cá nhân trong nước, 60 tài khoản của tổ chức trong nước, 3 tài khoản của tổ chức nước ngoài, 103 tài khoản của cá nhân nước ngoài.
- **Thị phần môi giới:** Trong năm 2009, thị phần môi giới của VDSC vẫn được duy trì ở mức bằng năm 2008 trong điều kiện thị trường có sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty chứng khoán. Ở HoSE, thị phần môi giới của VDSC là 1,62%, thuộc nhóm 15 công ty hàng đầu. Ở HNX, thị phần môi giới cổ phiếu của VDSC là 0,84%, tăng so với mức 0,75% trong năm 2008 và thuộc nhóm 25 công ty dẫn đầu thị trường, thị phần môi giới trái phiếu đạt 1,9% thuộc nhóm 10 công ty dẫn đầu thị trường, thị phần môi giới trên sàn UPCoM đạt khoảng 12%, thuộc nhóm 3 công ty dẫn đầu thị trường.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- **Hoạt động quản lý cổ đông:** VDSC đang quản lý cổ đông cho Bảo Long, Bệnh viện Tim Tâm Đức, Bảo vệ thực vật Sài Gòn, HPT, Nhà Vui, Mỹ thuật truyền thông...
- **Hoạt động tài trợ giao dịch:** Trong 6 tháng cuối năm 2009, hoạt động tài trợ giao dịch đã góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh môi giới. Thông qua việc cung cấp đầy đủ các dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán, hợp tác đầu tư và cầm cố chứng khoán, VDSC đã giữ chân và thu hút được khách hàng. Đến cuối năm 2009, tổng nguồn vốn đã thu xếp để tài trợ cho hoạt động này đạt gần 500 tỷ đồng.
- **Xây dựng đội ngũ môi giới chuyên nghiệp và có cơ chế hoa hồng cho nhân viên môi giới:** Bắt đầu từ tháng 7/2009, VDSC đã tách bạch hoàn toàn đội ngũ nhân sự môi giới-giao dịch theo hướng nhân viên môi giới được hưởng thu nhập theo định mức doanh số.
- **Cung cấp các dịch vụ tiện ích mới:** Ngoài việc tăng nguồn thu từ các sản phẩm gia tăng, việc tập trung đẩy mạnh hoạt động giao dịch từ xa thông qua điện thoại và internet, tổ chức hàng loạt các buổi hội thảo chất lượng, cung cấp thường xuyên các báo cáo phân tích và tư vấn đầu tư cho khách hàng, tổ chức các chương trình chăm sóc khách hàng... đã góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy hoạt động kinh doanh chứng khoán tại VDSC tăng trưởng vượt kế hoạch trong năm 2009.

Dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành

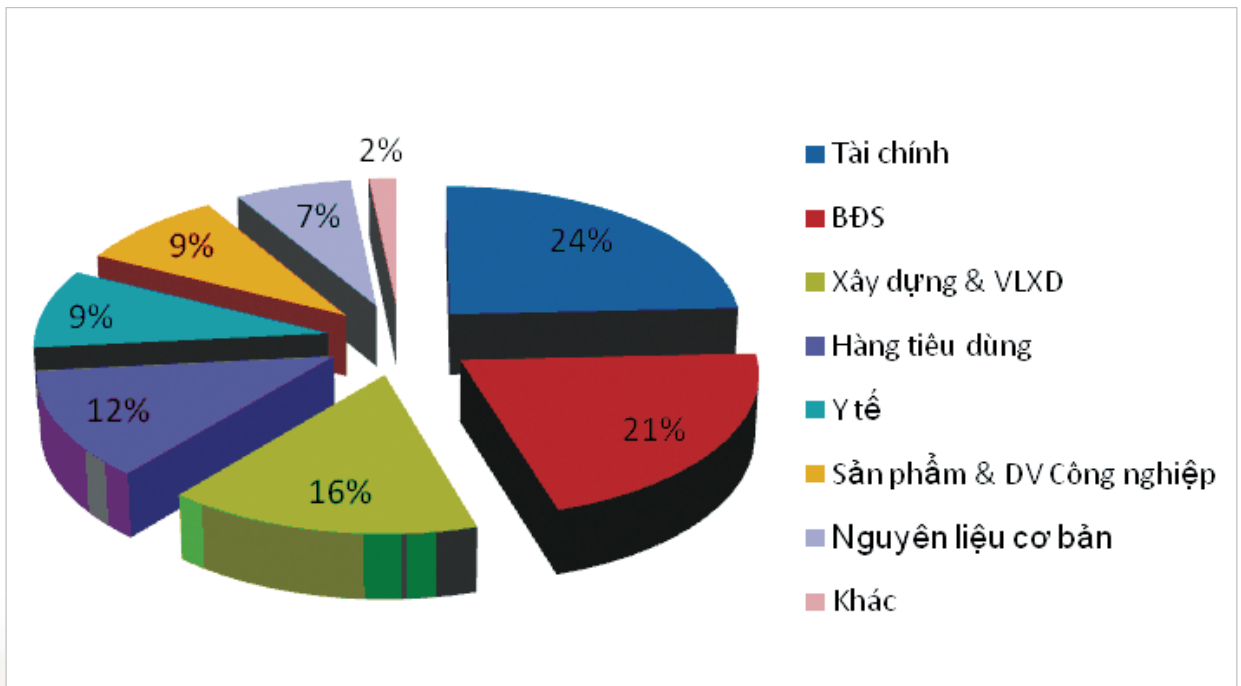
- **Tư vấn phát hành và niêm yết cổ phiếu:** Trong năm 2009, VDSC tiếp tục thực hiện công tác tư vấn phát hành và tư vấn niêm yết cho nhiều khách hàng đã ký hợp đồng trong các năm trước. Đây là năm rất thành công trong hoạt động tư vấn niêm yết khi VDSC đã đưa đến 5 doanh nghiệp niêm yết trên HoSE là Eximbank, Casumina, NBB, Đất Xanh và Cáp Sài Gòn (Chiếm khoảng 10% thị phần về số lượng công ty niêm yết mới và số lượng chứng khoán niêm yết mới).
- **Bảo lãnh phát hành và thu xếp vốn:** Hiện nay, VDSC đang thực hiện các hợp đồng thu xếp vốn và bảo lãnh phát hành cho Bảo Long, NBB, SDI, Khải Vy, Hòn Tằm.
- **Công tác phát triển khách hàng:** Trong năm 2009, VDSC đã ký mới được 40 hợp đồng tư vấn các loại với tổng giá trị là 4,11 tỷ đồng, gồm 23 hợp đồng tại trụ sở chính (3,64 tỷ đồng) và 17 hợp đồng tại Chi nhánh Hà Nội. VDSC đã tiếp cận và phát triển thêm được các khách hàng mới bao gồm: Tribeco, Cáp Sài Gòn, Constrexim, HPT, 584, 585, Hòn Tằm, Khải Vy Group, Du lịch Đồng Nai,...
- **Các khách hàng tiêu biểu:** Eximbank, Casumina, NBB, Bảo Long, Thái Tuấn, ViFon, Constrexim, Pymepharco, Tim Tâm Đức, Bảo vệ Thực Vật Sài Gòn, Đất Xanh, Khải Vy, 545, Vật tư Nông sản,...

Hoạt động đầu tư và kinh doanh tài chính

Trong năm 2009, hoạt động đầu tư và kinh doanh tài chính được thực hiện có hiệu quả hơn trên cơ sở tập trung đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả cao. Ngoài ra, VDSC cũng bám sát thị trường để thực hiện kinh doanh ngắn hạn nhằm tăng hiệu quả đầu tư cho danh mục. Đến cuối năm 2009, tổng giá trị danh mục đầu tư của VDSC ước đạt 368,5 tỷ đồng, bao gồm:

- Cổ phiếu niêm yết là 192,53 tỷ đồng (11 công ty), chiếm 52,25%.
- Cổ phiếu chưa niêm yết là 175,97 tỷ đồng (7 công ty), chiếm 47,75%.
- Vào thời điểm 31/12/2009, VDSC đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán 29 tỷ đồng cho các cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết.

CƠ CẤU DM ĐẦU TƯ THEO NGÀNH ĐẾN 31/12/2009



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Những tiến bộ

Công ty đạt được

Hoạt động phân tích đầu tư

Với nỗ lực cung cấp thông tin và các báo cáo phân tích đến nhà đầu tư, thể hiện sự đồng hành với HĐQT, bộ phận phân tích trong tháng qua chủ yếu phối hợp với các bộ phận môi giới, PR... tiến hành kiểm tra đối chiếu dữ liệu trên trang web công ty, tiếp tục triển khai việc báo cáo phân tích công ty định kỳ tuần, bản tin tuần, báo cáo ngành định kỳ tháng. Trong năm 2009, VDSC đã cung cấp cho khách hàng 44 báo cáo phân tích công ty, thực hiện báo cáo chuyên đề và báo cáo chiến lược đầu tư hàng tháng. Ngoài ra, VDSC còn cung cấp 47 chủ đề trong báo cáo tuần. Bên cạnh hoạt động phân tích, hoạt động đầu tư và kinh doanh tài chính cũng được thực hiện có hiệu quả hơn trên cơ sở tập trung đầu tư dài hạn vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh ổn định, hiệu quả cao, bám sát thị trường để thực hiện kinh doanh ngắn hạn nhằm tăng hiệu quả đầu tư cho danh mục.

Công tác mở rộng mạng lưới chi nhánh

Trong năm 2009, nhằm tập trung mọi nguồn lực để vượt qua khó khăn do khủng hoảng tài chính nên VDSC chưa thực hiện mở rộng mạng lưới hoạt động. Tuy nhiên, VDSC đã có những bước chuẩn bị cần thiết cho việc thành lập thêm 04 Chi nhánh mới tại Tp. HCM, Đà Nẵng, Nha Trang và Cần Thơ song song với việc chuyển trụ sở chính của Công ty sang Tòa nhà Viet Dragon – 141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp. HCM trong nửa đầu năm 2010.

Tái cấu trúc bộ máy và phát triển nhân sự

Vào đầu năm 2010, VDSC đã thực hiện tái cấu trúc Bộ máy tổ chức thêm hướng tách bạch các chức năng kinh doanh - hỗ trợ - giám sát nhằm phù hợp hơn với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty trong thời gian tới.

Tính đến cuối năm 2009, VDSC có tổng cộng 172 CBNV, tăng 37,6% so với năm 2008 (125 CBNV). Trong đó, có 60 nhân sự có chứng chỉ hành nghề kinh doanh chứng khoán.

Đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Trong năm, VDSC đã hoàn tất việc kết nối giao dịch trực tuyến với HoSE, HNX và đang triển khai với VSD. VDSC đã tự xây dựng và đưa hệ thống eDragon vào vận hành khá an toàn và hiệu quả và đã hoàn tất việc triển khai hệ thống front-Bosc, hệ thống đặt lệnh cho các đại lý, hệ thống cho phép quản lý doanh số của đội ngũ môi giới, chương trình quản lý hoạt động tài trợ giao dịch... ngoài ra đã hoàn tất việc chọn đối tác cung cấp core chứng khoán.

Kiểm soát nội bộ-quản lý rủi ro và pháp chế

Trong năm 2009, hoạt động kiểm soát nội bộ của VDSC đã được thực hiện thường xuyên đối với các hoạt động cầm cố, ứng trước, quản lý cổ đông, lưu ký, tiền gửi, đặc biệt là hoạt động hợp tác đầu tư... nhằm đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và của VDSC.

Quảng bá thương hiệu

- Tham gia và đạt Giải thưởng “Thương hiệu Chứng khoán Uy tín – 2009” và danh hiệu “Công ty đại chúng tiêu biểu” dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Thường xuyên tổ chức các Hội thảo dành cho Khách hàng tại Hội sở và Chi nhánh Hà Nội.
- Tổ chức các Hội thảo giới thiệu về VDSC cho Sinh viên các trường Đại học trên địa bàn Tp. HCM.
- Hợp tác cung cấp thông tin với một số chương trình truyền hình, bản tin và Website về tài chính - chứng khoán.
- Tài trợ cho Niên giám Doanh nghiệp niêm yết năm 2009.

Tham gia các hoạt động xã hội

- Tham gia Ngày hội giao lưu hướng nghiệp của Khoa Tài chính doanh nghiệp - Đại học Kinh tế Tp. HCM và trao 15 học bổng “Tiếp sức đến trường” và “Cùng Rồng Việt ươm mầm CFO tương lai” cho sinh viên khoa Tài chính Doanh nghiệp - Đại học Kinh tế Tp. HCM.
- Tham gia cứu trợ thiên tai, lũ lụt cho đồng bào miền Trung.
- Cùng với Eximbank và SJC tặng quà Trung thu cho trẻ em nghèo ở Tp. HCM...

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trên cơ sở nhận định thị trường như trên, Ban điều hành đề xuất mục tiêu định hướng của VDSC trong năm 2010 là: “Phần đầu đạt mức lợi nhuận nhằm đảm bảo tỷ lệ cổ tức cho cổ đông 12-15%. Điều chỉnh dần cơ cấu thu nhập theo hướng thu từ hoạt động dịch vụ chiếm khoảng 55 - 60% tổng thu nhập”.

Mục tiêu
hoạt động
của VDSC
năm 2010

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng giảm
	Tổng tài sản	926.365	1.400.000	51,13%
Vốn chủ sở hữu	368.733	455.500	23,53%	
Vốn điều lệ	330.00	350.000	6,06%	
Tổng doanh thu	146.830	241.000	64,13%	
Lợi nhuận trước thuế	54.272	100.000	84,26%	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	12.500	n/a	
Lợi ích thuế TNDN hoãn lãi	12.350	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	66.622	87.500	31,34%	
Tỷ lệ LNST/Doanh thu thuần	45,37%	36,31%	9,06%	
Tỷ lệ LNST/VCSH bình quân	19,86%	21,23%	1,37%	
EPS bình quân	2.019	2.574	27,49%	
Cổ tức (đồng/cp/năm)	-	1.500	n/a	

Kế hoạch hoạt động môi giới

- Số lượng tài khoản cuối năm: Tối thiểu 45.000 tài khoản
- Tăng cường chất lượng dịch vụ môi giới, phấn đấu tăng thị phần môi giới tại HoSE ở mức 2,2-2,5% và HNX ở mức 1,2-1,5%. Đưa VDSC thuộc vào nhóm 12 công ty có thị phần môi giới lớn nhất thị trường.

Kế hoạch hoạt động ngân hàng đầu tư

- Chuyển dần việc thực hiện các nghiệp vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp truyền thống sang thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư như: thu xếp vốn, huy động vốn, chào bán dự án... để tăng nguồn thu.
- Tiếp tục triển khai thực hiện các hợp đồng đã ký kết trước đây, tăng cường chăm sóc khách hàng cũ, khách hàng truyền thống có tiềm năng. Đẩy mạnh công tác tiếp cận và phát triển khách hàng.

Kế hoạch hoạt động đầu tư

- Thực hiện đầu tư theo chiến lược năng động, nhằm đạt hiệu quả cao nhất trên cơ sở rủi ro hợp lý.
- Duy trì số dư đầu tư cuối mỗi năm ở mức 70% vốn chủ sở hữu nhằm đảm bảo tính an toàn và thanh khoản trong điều kiện thị trường diễn biến không thuận lợi.

Nhận định tình hình kinh tế và tiềm năng phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam

Nhận định tình hình kinh tế Việt Nam

Đầu năm 2009 kinh tế Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới. Mặc dù không rơi vào suy thoái kinh tế nhưng tốc độ tăng trưởng GDP cũng như các chỉ tiêu kinh tế của Việt Nam sụt giảm mạnh. Thật vậy, thị trường xuất khẩu, thị trường vốn, thị trường lao động bị thu hẹp gây tác động tiêu cực đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội của Việt Nam. Bằng sự điều chỉnh linh hoạt và quyết liệt các chính sách vĩ mô của Chính phủ cũng như sự quán triệt các chính sách của các thành phần kinh tế với mục tiêu “ngăn chặn suy giảm kinh tế, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, phòng ngừa lạm phát cao trở lại”, Việt Nam đạt được nhiều kết quả khả quan. Qua đó kinh tế Việt Nam đã nhanh chóng thoát khỏi đà suy giảm, tốc độ tăng trưởng kinh tế càng về cuối năm 2009 càng tăng trưởng tốt.

Mặc dù khi quý I năm 2009, tăng trưởng GDP chỉ đạt 3,14% - thấp nhất trong nhiều năm gần đây, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP các quý sau đều cao hơn quý trước, cụ thể quý II đạt 4,46%, quý III đạt 6,04% và quý IV đạt 6,9%. Cả năm 2009, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 5,32%, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,83%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,52%; khu vực dịch vụ 6,63%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP 5,32% năm 2009 thấp hơn tốc độ tăng 6,18% của năm 2008 nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5% của kế hoạch trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái.

Chỉ số giá tiêu dùng năm 2009 tương đối ổn định, chỉ tăng 6,52% so với năm 2008, con số này thấp hơn 10% mà Quốc hội đã thông qua cho năm 2009. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đang đối mặt khủng hoảng, kinh tế nước ta lại đạt được thành công cả về chỉ tiêu tăng trưởng cũng như chỉ tiêu về lạm phát là một thành công lớn.

Trên cơ sở những thành công đạt được trong năm 2009, Việt Nam hướng đến năm 2010 với các chỉ tiêu cao hơn. Trong đó quan trọng nhất là ổn định kinh tế vĩ mô, mức tăng trưởng kinh tế đạt cao hơn mức tăng trưởng trong năm 2009.

Bên cạnh đó, kiểm soát lạm phát vẫn là mục tiêu được đề cao nhằm giữ vững sự ổn định của nền kinh tế. Cụ thể, trong Nghị quyết Quốc hội đã đặt ra mục tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6,5%; tổng kim ngạch xuất khẩu tăng trên 6% so với năm 2009; chỉ số giá tiêu dùng tăng không quá 7%.

Cơ sở
thực hiện
kế hoạch

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bên cạnh mục tiêu kinh tế năm 2010, Quốc hội cũng đề ra các giải pháp chính để đạt được các chỉ tiêu nêu trên. Trong đó đề cập đến việc sử dụng nguồn lực tài chính nhà nước để hình thành Quỹ kích thích kinh tế phục vụ mục tiêu phát triển trung hạn và dài hạn; điều hành thận trọng, linh hoạt chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ để góp phần phục hồi tốc độ tăng trưởng kinh tế, tăng tính ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo giá trị đồng tiền.

Theo đà tăng trưởng kinh tế năm 2009, nền kinh tế Việt Nam đã xuất hiện nhiều tín hiệu khả quan trong việc thực hiện các chỉ tiêu của Quốc hội đề ra. Đầu tiên là tín hiệu phục hồi xuất khẩu. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đã mạnh mẽ tăng trưởng từ quý 3 năm 2009 như mặt hàng dệt may gia công, thủy sản, kể đến là dầu thô, gạo, cao su cũng như các mặt hàng nông sản. Giá trị xuất khẩu chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP, do vậy sẽ góp phần quan trọng trong tốc độ phát triển kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam được dự báo lạc quan từ các tổ chức tài chính hàng đầu trên thế giới. Tổ chức thường xuyên có những dự báo về kinh tế Việt Nam là HSBC đã đưa ra mức dự báo tăng trưởng 6,8% - mức tăng này khá sát với chỉ tiêu của Quốc hội đề ra. Goldman Sachs và Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) còn lạc quan hơn khi lần lượt đưa ra dự báo về tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lên đến 8,2% và 8,5%.

Nhận định tiềm năng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2009 đã bước phát triển mạnh. Số lượng công ty niêm yết tại cả hai Sở giao dịch chứng khoán lên đến 457 đơn vị, trong đó có 197 công ty và 4 chứng chỉ quỹ tại HoSE và 266 công ty niêm yết tại HNX. Mức vốn hóa toàn thị trường tính đến cuối tháng 12 đạt 620 nghìn tỷ đồng, tương đương gần 38% GDP năm 2009. So với thời điểm cuối năm 2008 (225 nghìn tỷ đồng) mức vốn hóa đã tăng gần gấp 3 lần. Trong năm 2010, số công ty niêm yết còn tăng mạnh hơn nữa đồng thời Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp lớn như BIDV, Mobifone, Petrolimex. Do vậy, mục tiêu về quy mô của thị trường đạt giá trị vốn hóa chiếm 65 – 70% GDP vào năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán để ra là hoàn toàn khả thi.

Sự phát triển của thị trường chứng khoán còn thể hiện rõ hơn qua số lượng tài khoản ngày càng tăng qua các năm. Trong năm 2009 số lượng tài khoản tăng hơn 50% so với năm 2008, khi đạt 793.000 tài khoản.

Năm	2005	2006	2007	2008	2009
Tổng số lượng	31.316	106.393	307.409	531.350	793.000

Nguồn: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM

Các giải pháp thực hiện kế hoạch

- **Về cơ cấu tổ chức:** Tái cấu trúc bộ máy tổ chức theo hướng tách bạch tương đối các chức năng kinh doanh - hỗ trợ - giám sát.
- **Về nhân sự:** Thực hiện cơ chế thu nhập theo hiệu quả công việc đối với các Bộ phận kinh doanh nhằm tạo cú hích cho hoạt động của VDSC và phù hợp với xu hướng thị trường. Tiếp tục công tác tuyển dụng và đào tạo nhằm xây dựng và duy trì được một đội ngũ nhân sự có chất lượng tốt, có tâm huyết với sự nghiệp phát triển VDSC.
- **Về mạng lưới:** Đẩy mạnh công tác mở rộng mạng lưới song song với việc đảm bảo hiệu quả hoạt động của các mạng lưới: Trong quý I/2010, sẽ hoàn tất việc di dời trụ sở chính và thành lập Chi nhánh Sài Gòn. Quý II/2010, hoàn tất việc thành lập 03 Chi nhánh Cần Thơ, Nha Trang và Đà Nẵng. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các Chi nhánh Eximbank để phát triển hệ thống điểm nhận lệnh trực tuyến với mục tiêu phát triển thêm từ 5-10 điểm nhận lệnh trực tuyến trong năm 2010.
- **Về công nghệ:** Hoàn tất việc đầu tư hệ thống core chứng khoán, đồng thời xây dựng hạ tầng CNTT cho trụ sở mới và các chi nhánh, phục vụ mục tiêu mở rộng mạng lưới hoạt động của công ty. Nâng cao chất lượng phục vụ, phát triển và hoàn thiện các ứng dụng, nâng cấp an toàn bảo mật.
- **Về nguồn vốn:** Đẩy mạnh công tác thu hút nguồn vốn nhằm đảm bảo nguồn vốn cho việc hỗ trợ khách hàng giao dịch thông qua việc phát triển mối quan hệ hợp tác với Eximbank, Satra... Bên cạnh đó, mở rộng quan hệ với một số ngân hàng và đối tác khác để thu hút nguồn vốn nhằm phục vụ cho hoạt động tài trợ giao dịch.
- **Về sản phẩm, dịch vụ:** Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và phân tích, nhằm tăng chất lượng các sản phẩm cung cấp cho khách hàng, nghiên cứu phát triển những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- **Về thương hiệu:** Hoàn thiện lại hệ thống nhận diện thương hiệu, tăng cường công tác quảng bá hình ảnh VDSC như là một đối tác tài chính tin cậy và hàng đầu của thị trường chứng khoán Việt Nam.
- **Về công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ:** Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty diễn ra an toàn, hiệu quả và đúng pháp luật.

A young green sapling with three leaves growing in a field of grass. The sapling has a thin, dark stem and three vibrant green leaves with serrated edges. The background is a soft, out-of-focus green field under a bright, hazy sky.

Đối tác chiến lược là
nền tảng vững chắc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

A large, stylized red dragon logo is centered on the page. The dragon is depicted in a circular, swirling form, with its body and wings flowing in a clockwise direction. The dragon's head is at the top, and its tail is at the bottom. The logo is rendered in a solid red color.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán

tuân thủ pháp luật và kiểm soát nội bộ

Công tác kiểm tra kiểm soát định kỳ

Căn cứ theo quy định pháp luật và các quy định hiện hành của Công ty, Bộ phận KSNB lập kế hoạch và tiến hành kiểm tra về mọi mặt hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tính chính xác, tính tuân thủ. Qua công tác kiểm tra, kiểm soát định kỳ, Bộ phận Kiểm soát nội bộ đã cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan tới Ban Tổng giám thông qua các Báo cáo kiểm soát từ đó có thể đánh giá hoạt động của các phòng ban, kiểm soát rủi ro và tiến hành điều chỉnh các sai sót (nếu có). Cụ thể trong Bộ phận Kiểm soát nội bộ thực hiện công tác kiểm tra như sau:

- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Khối Dịch vụ chứng khoán bao gồm các hoạt động quản lý tiền gửi, lưu ký chứng khoán, hoạt động nhận, truyền lệnh khách hàng, hoạt động thanh toán bù trừ ...
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Ngân hàng đầu tư
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Phòng Hành chính nhân sự và Phòng Công nghệ thông tin
- Kiểm tra kiểm soát các hoạt động của Chi nhánh Hà nội và Chi nhánh Sài Gòn

Công tác kiểm tra kiểm soát đột xuất

Bên cạnh việc tiến hành công tác kiểm tra kiểm soát theo định kỳ, Bộ phận KSNB Công ty còn thường xuyên tiến hành hoạt động kiểm soát đột xuất các phòng ban, bộ phận nhằm hạn chế tối đa các phát sinh và kịp thời xử lý, khắc phục trong trường hợp có sai sót xảy ra.

Hoạt động hệ thống KSNB Công ty có vai trò tích cực trong việc hỗ trợ cho Ban điều hành tiến hành kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán cũng như các quy định nội bộ Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty. Cụ thể hệ thống Kiểm soát nội bộ đã đảm bảo:

- Kiểm soát việc tuân thủ quy trình nghiệp vụ của các bộ phận kinh doanh.
- Kiểm toán nội bộ báo cáo tài chính.
- Giám sát tỷ lệ vốn khả dụng và các tỷ lệ an toàn tài chính theo quy định.
- Quản lý tách biệt tài sản chứng khoán, tiền gửi của khách hàng với Công ty.
- Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng.
- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo và chế độ công bố thông tin.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD, vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép số 32/UBCK-GP chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Ngày 8 tháng 8 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy phép số 147/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 147-149 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế cho năm	66.622.074.436	(85.719.561.053)
Cổ tức công bố và trả trong năm	-	35.899.800.000
Cổ tức công bố nhưng chưa trả trong năm	-	111.200.000
Lỗ lũy kế vào cuối năm	(18.857.227.617)	(85.479.302.053)

CÁC SỰ KIỆN TRONG KỲ

Trong kỳ, Công ty đã chính thức niêm yết trên thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) vào ngày 24 tháng 06 năm 2009 với mã chứng khoán VDS.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm 16/08/2006
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm 16/08/2006
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 19/12/2006
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm 16/08/2006
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên	Bổ nhiệm 16/08/2006
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm 23/03/2008

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc:

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được qui định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 do Bộ Tài Chính ban hành và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Thành Long
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 01 năm 2010

Ông Nguyễn Miên Tuấn
Thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Số tham chiếu: 60752721/13522033

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là “các báo cáo tài chính”). Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Co., Ltd.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV



Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 25 tháng 01 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		744.770.935.073	76.050.783.046
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		362.276.642.630	64.471.560.631
111	1. Tiền	4	362.276.642.630	53.471.560.631
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	11.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		182.054.620.271	5.631.080.804
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	192.531.728.629	22.408.955.646
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(10.477.108.358)	(16.777.874.842)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	198.092.509.426	4.805.913.287
131	1. Phải thu của khách hàng		135.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		1.037.718.524	190.927.418
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch CK		194.085.838.029	114.985.869
138	4. Các khoản phải thu khác		2.833.952.873	4.500.000.000
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.347.162.746	1.142.228.324
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.120.449.199	1.012.388.324
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		1.226.713.547	129.840.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		181.594.849.295	281.967.531.144
210	I. Tài sản cố định	9	7.213.749.151	9.253.873.955
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9.1	6.082.013.128	8.241.503.198
222	Nguyên giá		13.493.265.478	12.186.519.051
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.411.252.350)	(3.945.015.853)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9.2	802.064.023	682.698.757
228	Nguyên giá		1.291.472.269	955.554.269
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(489.408.246)	(272.855.512)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		329.672.000	329.672.000
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		157.392.802.200	266.747.631.929
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	6.1	132.850.784.700	270.569.031.576
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.1	132.850.784.700	270.569.031.576
258	2. Đầu tư dài hạn khác	6.1	43.120.000.000	38.120.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá CK và đầu tư dài hạn khác	7	(18.577.982.500)	(41.941.399.647)
260	III. Tài sản dài hạn khác		16.988.297.944	5.966.025.260
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		214.612.295	625.603.758
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20.3	12.378.861.347	29.113.461
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	1.574.690.920	506.741.573
268	4. Tài sản dài hạn khác	10	2.820.133.382	4.804.566.468
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		926.365.784.368	358.018.314.190

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		557.632.695.435	55.680.430.560
310	I. Nợ ngắn hạn		557.100.383.435	55.046.373.560
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	250.000.000.000	10.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		401.645.111	29.926.000
313	3. Người mua trả tiền trước		555.387.500	587.500.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	194.466.374	628.354.954
315	5. Phải trả công nhân viên		571.410.251	-
316	6. Chi phí phải trả	14	3.775.224.647	1.213.026.203
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		176.810.820.998	-
321	8. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	15	1.121.069.869	5.700.000
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		123.670.358.685	42.581.866.403
330	II. Nợ dài hạn	16	532.312.000	634.057.000
337	1. Dự phòng trợ cấp thôi việc		532.312.000	634.057.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		368.733.088.933	302.337.883.630
410	I. Vốn chủ sở hữu		368.733.088.933	302.111.014.497
411	1. Vốn cổ phần		330.000.000.000	330.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	17.1	53.276.000.000	53.276.000.000
413	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	17.2	2.157.158.275	2.157.158.275
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
420	5. Lỗ lũy kế		(18.857.227.617)	(85.479.302.053)
430	II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	226.869.133
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	17.1	926.365.784.368	358.018.314.190

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (trình bày lại)
006	1. CK lưu ký		1.912.806.430.000	3.278.094.830.000
007	1.1. CK giao dịch		1.477.014.330.000	3.257.983.050.000
012	1.2. CK tạm ngừng giao dịch		97.327.620.000	8.926.840.000
017	1.3. CK cầm cố		153.170.800.000	2.098.350.000
022	1.4. CK tạm giữ (phong tỏa của VSCD đ/v khách hàng)		110.170.180.000	2.637.390.000
027	1.5. CK chờ thanh toán		75.123.500.000	6.449.200.000
050	2. CK lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		105.953.590.000	-
051	2.1. CK giao dịch		105.953.590.000	-
083	3. CK chưa lưu ký của công ty chứng khoán		68.999.140.000	-

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh CK <i>Trong đó:</i>		146.830.072.511	39.274.021.704
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới CK		43.057.648.343	18.058.955.707
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư CK, góp vốn		87.909.229.308	11.749.699.301
01.4	Doanh thu đại lý phát hành CK		54.823.315	727.372.436
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		10.673.496.286	890.454.541
01.9	Doanh thu khác		5.134.875.259	7.847.539.719
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		146.830.072.511	39.274.021.704
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh CK	18	(67.453.424.086)	(90.982.980.777)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh		79.376.648.425	(51.708.959.073)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(26.388.963.283)	(34.861.881.004)
30	7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		52.987.685.142	(86.570.840.077)
31	8. Thu nhập khác		1.320.862.788	891.504.624
32	9. Chi phí khác		(36.221.380)	(40.225.600)
40	10. Lợi nhuận khác		1.284.641.408	851.279.024
50	11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		54.272.326.550	(85.719.561.053)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
52	14. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	20.3	12.349.747.886	-
60	15. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		66.622.074.436	(85.719.561.053)
70	16. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	21	2.019	(2.743)

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		54.272.326.550	(85.719.561.053)
02	Khấu hao TSCĐ	9	3.682.789.231	3.939.839.230
03	Dự phòng giảm giá đầu tư	7	69.145.122.439	94.537.262.982
04	Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	7	(98.809.306.070)	(44.748.109.906)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		11.405.243.688	4.755.176.120
06	Chi phí lãi vay	18	6.889.767.796	2.767.250.000
08	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		46.585.943.634	(24.468.142.627)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(193.466.985.947)	4.771.637.406
10	(Tăng)/giảm chứng khoán tự doanh và các		(170.122.772.983)	36.956.103.000
11	khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn			
	Tăng các khoản phải trả		11.103.327.317	2.659.330.334
12	Giảm/(tăng) các khoản chi phí trả trước		302.930.588	(202.667.045)
13	Lãi vay đã trả		(6.456.976.131)	(2.577.250.000)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	20.1	-	(14.719.932.481)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	(2.939.446.700)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(226.869.133)	(2.361.721.797)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(312.281.402.655)	(2.882.089.910)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền mua sắm tài sản cố định	9	(1.642.664.427)	(6.559.638.700)
27	Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(6.414.615.036)	(105.550.032.000)
28	Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư		118.251.483.000	51.075.375.000
29	Thu lãi đầu tư		9.476.135.224	9.599.933.900
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		119.670.338.761	(51.434.361.800)

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu góp vốn đăng ký mua cổ phần		-	81.000.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn		462.007.140.850	20.000.000.000
35	Trả tiền vay ngắn hạn		(222.007.140.850)	(25.000.000.000)
55	Trả tiền cổ tức		-	(35.899.800.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		240.000.000.000	40.100.200.000
70	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		47.388.936.106	(14.216.251.710)
80	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	4	24.590.454.290	38.806.706.000
90	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	4	71.979.390.396	24.590.454.290

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (Công ty) là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD, vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép số 32/UBCK-GP chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Ngày 8 tháng 8 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy phép số 147/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 147-149 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 172 người (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 125 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm 16/08/2006
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm 16/08/2006
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm 19/12/2006
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm 16/08/2006
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên	Bổ nhiệm 16/08/2006
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm 23/03/2008

CƠ SỞ TRÌNH BÀY

Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“ngàn VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính nói riêng và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính kèm theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4);
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Ngày 24 tháng 10 năm 2008, Bộ tài chính ban hành Thông tư 95/2008/TT-BTC quy định về chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán thay thế cho Quyết định 99/2000/QĐ-BTC. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Vì vậy, một số số liệu đầu kỳ trong báo cáo tài chính đính kèm được phân loại lại cho phù hợp với yêu cầu trình bày các báo cáo tài chính của Thông tư 95/2008/TT-BTC. Việc phân loại lại số dư đầu kỳ được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 23.

Ngoài ra, ảnh hưởng của thay đổi trong chính sách kế toán đối với khoản mục đầu tư chứng khoán được trình bày chi tiết tại chính sách kế toán 3.4 "Chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán".

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và thời hạn nhỏ hơn 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán

Các chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn

Đối với các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn thể hiện các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần của Công ty trong các tổ chức kinh tế từ lúc thành lập hoặc có đại diện là Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát trong các doanh nghiệp được đầu tư và có ảnh hưởng lớn tại các công ty được đầu tư này. Các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá mua vào ngày mua, và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư trong các kỳ kế toán tiếp theo.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm tin học	5 năm
Chi phí phát triển trang web	5 năm

Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008. Theo đó, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

“ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

“ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Tiền mặt	58.299.871	101.584.254
Tiền gửi ngân hàng	340.587.448.654	38.305.718.761
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	21.630.894.105	15.064.257.616
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
TỔNG CỘNG	362.276.642.630	64.471.560.631

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền bao gồm các khoản sau:

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Tiền mặt	58.299.871	101.584.254
Tiền gửi ngân hàng	340.587.448.654	38.305.718.761
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	21.630.894.105	15.064.257.616
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
TỔNG CỘNG	362.276.642.630	64.471.560.631

Trừ:

Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 15)	(166.606.176.500)	-
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 16)	(123.577.512.634)	(39.881.106.341)
Cổ tức của nhà đầu tư	(113.563.100)	-
	(290.297.252.234)	(39.881.106.341)
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	71.979.390.396	24.590.454.290

GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng chứng khoán thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ
VNĐ		
Của Công ty chứng khoán	20.783.690	845.331.902.000
Cổ phiếu	11.256.930	742.289.152.000
Chứng khoán khác	9.526.760	103.042.750.000
Của nhà đầu tư	519.272.611	20.661.835.817.100
Cổ phiếu	472.068.017	17.136.860.183.100
Trái phiếu	31.356.854	3.316.217.920.000
Chứng khoán khác	15.847.740	208.757.714.000
TỔNG CỘNG	540.056.301	21.507.167.719.100

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán

	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư cuối năm
VNĐ				
Chứng khoán thương mại				
(Thuyết minh số 6.2)	22.408.955.646	520.269.974.710	350.147.201.727	192.531.728.629
Chứng khoán đầu tư	308.689.031.576	124.186.007.230	256.904.254.106	175.970.784.700
Chứng khoán sẵn sàng để bán				
(Thuyết minh 6.3)	270.569.031.576	119.186.007.230	256.904.254.106	132.850.784.700
Đầu tư dài hạn khác	38.120.000.000	5.000.000.000		43.120.000.000
TỔNG CỘNG	331.097.987.222	644.455.981.940	607.051.455.833	368.502.513.329

Đầu tư dài hạn khác bao gồm:

- Khoản vốn góp 30.500.000.000 VNĐ vào Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim Land, chiếm 10,17% vốn điều lệ của công ty này.
- Khoản vốn góp 8.120.000.000 VNĐ vào Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Long, chiếm 2,71% vốn điều lệ của quỹ này.
- Khoản vốn góp 4.500.000.000 VNĐ vào Công ty Cổ phần Cao su kỹ thuật Đồng Phú, chiếm 5% vốn điều lệ của công ty này.

Chứng khoán thương mại

	Số lượng cổ phần	Giá trị theo sổ kế toán	Tăng		Tổng giá trị theo giá thị trường	Ghi chú
				Giảm		
Cổ phiếu niêm yết						
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	388.966	16.858.937.535	-	2.428.298.935	14.430.638.600	(*)
Công ty CP Dabaco Việt Nam (DBC)	327.200	13.570.001.830	-	2.281.601.830	11.288.400.000	
Công ty CP Mía đường Lam Sơn (LSS)	471.260	21.186.713.480	-	1.393.793.480	19.792.920.000	(*)
Công ty CP DV&XD Địa Ốc Đất Xanh (DXG)	100.000	4.200.000.000	2.400.000.000	-	6.600.000.000	
Tổng Công ty CP DVKT Dầu khí (PVS)	168.630	6.058.933.442	-	679.636.442	5.379.297.000	
Công ty CP Đầu tư Năm Bẩy Bẩy (NBB)	1.222.533	77.551.491.309	8.025.818.691	-	85.577.310.000	(*)
Công ty CP TASCO (HUT)	208.200	6.031.438.177	-	160.198.177	5.871.240.000	(*)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	465.900	13.670.414.095	-	2.442.224.095	11.228.190.000	
Công ty CP SXKD XNK và Đầu tư Tân Bình (TIX)	144.486	10.107.432.800	-	1.004.814.800	9.102.618.000	(*)
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	118.100	1.716.320.599	-	86.540.599	1.629.780.000	
Công ty Cổ phần Cơ giới Lắp máy và Xây dựng (VMC)	339.700	21.481.175.010	497.414.990	-	21.978.590.000	
Các công ty khác	3.069	98.871.000	-	-	98.871.000	
	3.958.044	192.531.729.277	10.923.233.681	10.477.108.358	192.977.854.600	

Ghi chú : (*) Các cổ phiếu đã được đem đi cầm cố, thế chấp cho các hợp đồng vay với Ngân hàng Eximbank (Thuyết minh số 12).

Chứng khoán sẵn sàng để bán

	Số lượng cổ phần	Giá trị theo sổ kế toán	Tăng		Tổng giá trị theo giá thị trường	Ghi chú
				Giảm		
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.599.914	132.850.784.700	-	18.577.982.500	114.272.802.200	(*)
	2.599.914	132.850.7800	-	18.577.982.500	114.272.802.200	

Ghi chú : (*) Các cổ phiếu đã được đem đi cầm cố, thế chấp cho các hợp đồng vay với Ngân hàng Eximbank (Thuyết minh số 12).

DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Chứng khoán thương mại		
Cổ phiếu niêm yết	10.477.108.358	16.777.874.842
Chứng khoán đầu tư		
Cổ phiếu niêm yết	-	41.941.399.647
Cổ phiếu chưa niêm yết	18.577.982.500	-
TỔNG CỘNG	29.055.090.858	58.719.274.489

Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán trong kỳ kế toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu kỳ	58.719.274.489	8.930.121.413
Tăng trong kỳ	69.145.122.439	94.537.262.982
Hoàn nhập trong kỳ	(98.809.306.070)	(44.748.109.906)
Số cuối kỳ	29.055.090.858	58.719.274.489

CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ			
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng đã lập
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	135.000.000	-	135.000.000	-	-	-
2. Ứng trước cho người bán	190.927.418	-	-	1.051.578.524	204.787.418	1.037.718.524	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	114.985.869	-	-	2.460.163.910.945	2.266.193.058.785	194.085.838.029	-	-	-
Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	40.624.993	-	-	19.857.949.463	19.375.899.464	522.674.992	-	-	-
Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	74.360.876	-	-	554.817.579.926	554.756.183.148	135.757.654	-	-	-
Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	-	-	-	1.885.488.381.556	1.692.060.976.173	193.427.405.383	-	-	-
3. Phải thu khác	4.500.000.000	-	-	3.146.709.339	4.812.786.466	2.833.952.873	-	-	-
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	1.223.658.492	-	1.223.658.492	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.500.000.000	-	-	1.923.050.847	4.812.786.466	1.610.294.381	-	-	-
TỔNG CỘNG	4.805.913.287	-	-	2.464.497.198.808	2.271.210.632.669	198.092.509.426	-	-	-

Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư là hình thức hợp tác đầu tư mà trong đó Công ty và nhà đầu tư cùng góp vốn để đầu tư vào một hay nhiều loại chứng khoán. Nhà đầu tư sẽ đảm bảo bằng các chứng khoán có sẵn trong tài khoản.

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.915.582.951	2.270.936.100	12.186.519.051
Tăng trong kỳ	1.306.746.427	-	1.306.746.427
Số dư cuối kỳ	11.222.329.378	2.270.936.100	13.493.265.478
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.397.630.401	547.385.452	3.945.015.853
Tăng trong kỳ	3.087.747.143	378.489.354	3.466.236.497
Số dư cuối kỳ	6.485.377.544	925.874.806	7.411.252.350
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	6.517.952.550	1.723.550.648	8.241.503.198
Số dư cuối kỳ	4.736.951.834	1.345.061.294	6.082.013.128

Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm tin học	Chi phí phát triển trang web	VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	903.863.591	51.690.678	955.554.269
Tăng trong kỳ	263.918.000	72.000.000	335.918.000
Số dư cuối kỳ	1.167.781.591	123.690.678	1.291.472.269
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu kỳ	259.071.336	13.784.176	272.855.512
Tăng trong kỳ	203.814.600	12.738.134	216.552.734
Số dư cuối kỳ	462.885.936	26.522.310	489.408.246
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	644.792.255	37.906.502	682.698.757
Số dư cuối kỳ	704.895.655	97.168.368	802.064.023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ 330.000.000.000	Tài sản cố định và trang thiết bị		
	Chỉ tiêu	Giá trị VNĐ	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
	Nguyên giá	14.784.737.747	4.48%
	Khấu hao lũy kế	(7.900.660.596)	-2.39%
	Giá trị còn lại	6.884.077.151	2.09%

TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh ở Hà Nội của Công ty.

TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% (năm 2008: 0,008%) tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước	VNĐ
Số dư đầu năm	506.741.573	120.000.000	
Tiền nộp bổ sung	1.055.690.707	381.997.716	
Tiền lãi nhận được	12.258.640	4.743.857	
TỔNG CỘNG	1.574.690.920	506.741.573	

VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Vay ngắn hạn	250.000.000.000	10.000.000.000

Chi tiết như sau:

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Số cuối kỳ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số				
Số 1401-LDS-200903503	30.000.000.000	12	10,50%	Bao gồm các cổ phiếu được trình bày tại thuyết minh 6.2 và 6.3
Số 1401-LDS-200906903	15.000.000.000	12	10,20%	
Số 1401-LDS-200909065	15.000.000.000	12	10,50%	
Số 1401-LDS-200909792	10.000.000.000	12	10,20%	
Số 1401-LDS-200914296	30.000.000.000	12	12,00%	
	100.000.000.000			
Ngân hàng TMCP Kiên Long				
Hợp đồng số				
Số 0242.1/GNN	33.950.000.000	12	6,60%	Tài khoản tiền gửi không kì hạn tại Ngân hàng TMCP Kiên Long
Số 0242.2/GNN	16.050.000.000	12	6,60%	
Số 0249.1/GNN	24.000.000.000	12	6,60%	
Số 0249.2/GNN	23.000.000.000	12	6,60%	
Số 0249.3/GNN	3.000.000.000	12	6,60%	
	100.000.000.000			
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn	50.000.000.000	6	14,40%	Tín chấp
Tổng cộng	250.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	169.328.367	487.809.000
Thuế giá trị gia tăng	25.138.007	135.591.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 20.1)	-	-
Thuế khác	-	4.954.934
TỔNG CỘNG	194.466.374	628.354.954

CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Lương tháng 13	1.227.976.716	-
Phí môi giới	881.307.732	427.439.523
Lãi vay phải trả	622.791.665	190.000.000
Chi phí hoa hồng môi giới	526.144.858	-
Các khoản khác	517.003.676	595.586.680
TỔNG CỘNG	3.775.224.647	1.213.026.203

PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thanh toán bù trừ của nhà đầu tư	166.606.176.500	-
Thanh toán bù trừ của Công ty	6.615.600.000	-
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	2.411.670.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.177.374.498	-
TỔNG CỘNG	176.810.820.998	-

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	66.759.206	57.565.350
Phải trả khác	123.603.599.479	42.524.301.053
Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4) (*)	123.577.512.634	39.881.106.341
Phải trả khác	26.086.845	2.643.194.712
TỔNG CỘNG	123.670.358.685	42.581.866.403

(*) Đây là khoản tiền ký quỹ của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tăng giảm Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗi lũy kế	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số đầu kỳ	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(85.479.302.053)	226.869.133	302.337.883.630
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	66.622.074.436	-	66.622.074.436
Đã sử dụng	-	-	-	-	-	(226.869.133)	(226.869.133)
Số cuối kỳ	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(18.857.227.617)	-	368.733.088.933

Vốn cổ phần

Theo Giấy phép số 147/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 8 năm 2008, tổng vốn điều lệ của Công ty là 330 tỷ đồng. Số vốn điều lệ này đã được góp đầy đủ tính tới thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, như sau:

Tên cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp VNĐ	Tỷ lệ sở hữu
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	5.970.000	59.700.000.000	18,09%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Sài Gòn Á Châu	5.130.000	51.300.000.000	15,55%
Công ty CP cung ứng tàu biển Sài Gòn	2.430.000	24.300.000.000	7,37%
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn	2.430.750	24.307.500.000	7,36%
Ông Nguyễn Miên Tuấn	785.000	7.850.000.000	2,38%
Ông Nguyễn Vạn Lý	500.000	5.000.000.000	1,52%
	17.245.750	172.457.500.000	52,26%
Các cổ đông cá nhân khác	15.754.250	157.542.500.000	47,74%
TỔNG CỘNG	33.000.000	330.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	69.680.134.077	33.735.048.522
Chi phí nhân viên	10.854.787.453	1.700.066.560
Chi phí lãi vay	6.889.767.796	2.767.250.000
Chi phí hoạt động môi giới và tư vấn	6.838.113.304	2.798.363.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	471.612.933	44.418.405
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	449.107.508	3.671.012
Chi phí bằng tiền khác	543.484.819	10.965.874
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	335.275.635	134.043.637
Chi phí khác	1.055.324.192	-
	97.117.607.717	41.193.827.701
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	69.145.122.439	94.537.262.982
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(98.809.306.070)	(44.748.109.906)
TỔNG CỘNG	67.453.424.086	90.982.980.777

CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	699.898.670	1.874.771.302
Chi phí nhân viên	8.132.478.266	15.999.301.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.211.176.298	3.021.293.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.998.036.499	10.949.284.059
Chi phí bằng tiền khác	823.657.039	867.842.639
Chi phí khác	1.519.716.511	2.144.448.398
Chi phí thuế	4.000.000	4.939.000
TỔNG CỘNG	26.388.963.283	34.861.881.004

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 25% lợi nhuận tính thuế trong các năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(12.349.747.886)	-
TỔNG CỘNG	(12.349.747.886)	-

Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	54.272.326.550	(85.719.561.053)
Trừ: Thu nhập cổ tức	(9.476.135.224)	(9.599.933.900)
	44.796.191.326	(95.319.494.953)
Cộng:		
Chi phí không có chứng từ hợp lệ	118.930.867	540.010.000
Trợ cấp thôi việc	-	348.917.373
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa		
cấn trừ lỗ năm trước	44.915.122.193	(94.430.567.580)
Lỗ năm trước chuyển sang	(44.915.122.193)	-
Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) ước tính		
năm hiện hành	-	(94.430.567.580)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	14.719.932.481
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	(14.719.932.481)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuyển lỗ

Theo qui định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có khoản lỗ lũy kế 49.515.443.760 VNĐ có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

		VNĐ			
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31/12/2009	Số không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2009
2008	2013	94.430.567.580	(44.915.122.193)	-	49.515.445.387

Thuế TNDN hoãn lại

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho số lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong các năm tới bởi vì Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin rằng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận trong các năm tới để bù trừ hết số lỗ tính thuế mang sang này. Thuế TNDN hoãn lại trong năm được tính như sau:

		VNĐ
		Năm nay
Số lỗ tính thuế mang sang tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có thể được sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong năm tới (Thuyết minh số 20.2)		49.515.445.387
Thuế suất thuế TNDN theo qui định		25%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		12.378.861.347

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trợ cấp thôi việc	-	29.113.461	(29.113.461)	-
Lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	12.378.861.347	-	12.378.861.347	-
	12.378.861.347	29.113.461		-
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			12.349.747.886	

LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.622.074.436	(85.719.561.053)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	33.000.000	31.250.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.019	(2.743)

TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng quỹ lương	18.987.265.719	15.981.957.000
Tiền thưởng	321.800.000	1.168.000.000
Tổng thu nhập	19.309.065.719	17.149.957.000
Tiền lương bình quân (tháng/người)	9.199.257	9.835.000
Thu nhập bình quân (tháng/người)	9.355.119	10.554.000

GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

			VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Lãi tiền gửi	4.052.367.000
		Doanh thu từ nghiệp vụ quản lý sổ cổ đông	6.202.045.000
		Vay ngắn hạn	100.000.000.000
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đông	Vay ngắn hạn	50.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			VNĐ
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đồng	Vay ngắn hạn Tiền gửi	(100.000.000.000) 45.322.493.541
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đồng	Vay ngắn hạn	(50.000.000.000)

CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính tại số 147-149 Võ Văn Tần, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và văn phòng chi nhánh ở Hà Nội tại số 74 Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	9.448.520.004	8.673.929.000
Từ 1 đến 5 năm	8.312.603.530	17.503.452.865
TỔNG CỘNG	17.761.123.534	26.177.381.865

SỐ LIỆU SO SÁNH

Do thay đổi hệ thống tài khoản và cách thức hạch toán cũng như trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC dẫn đến số liệu đầu kỳ được trình bày lại. Theo đó, các số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo của năm nay.

Thay đổi trên bảng cân đối kế toán được trình bày như sau:

	Số dư đầu năm (trình bày trước đây)	Số dư đầu năm (trình bày lại)
VNĐ		
Bảng cân đối kế toán		
Đầu tư chứng khoán dài hạn	278.689.031.576	270.569.031.576
Góp vốn liên doanh	30.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	38.120.000.000
	308.689.031.576	308.689.031.576
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	105.900.000	5.700.000
Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	39.881.106.341	-
Phải trả, phải nộp khác	2.600.560.062	42.581.866.403
	42.587.566.403	42.587.566.403

Thay đổi trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày như sau:

	Năm trước (trình bày trước đây)	Năm trước (trình bày lại)
VNĐ		
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh thu hoạt động tự doanh CK	2.149.765.401	11.749.699.301
Thu cổ tức và lãi đầu tư	9.599.933.900	-
Hoàn nhập dự phòng	44.748.109.906	-
Chi phí hoạt động kinh doanh	(135.731.090.683)	(90.982.980.777)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

	Năm nay	VNĐ Năm trước
Bố trí cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	20%	79%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	80%	21%
Tỷ suất sinh lời		
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	37%	-218%
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế /Vốn cổ phần đã phát hành	16%	-26%
Khả năng thanh toán		
Tổng nợ/Tổng tài sản	60%	16%
Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn (Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn	134%	138%
Tiền/Tổng nợ ngắn hạn	65%	117%

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010



Tầm nhìn chiến lược là sự
chấp cánh vươn xa

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



**CÁC CÔNG TY CÓ
LIÊN QUAN**

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

- 1. Tổ chức nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp tại Công ty:**
Không có.
- 2. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức:**
Không có.
- 3. Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan:**
Không có.

Sản phẩm, dịch vụ
luôn không ngừng cải tiến



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

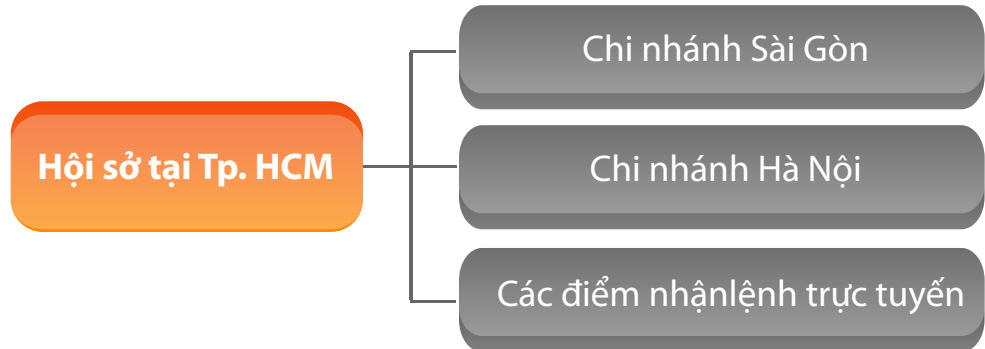
A large, stylized dragon logo in a light red color, centered on the page. The dragon is depicted in a circular, swirling form, with its head and tail curving around each other. The text "TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ" is overlaid on the dragon's body.

**TỔ CHỨC VÀ
NHÂN SỰ**

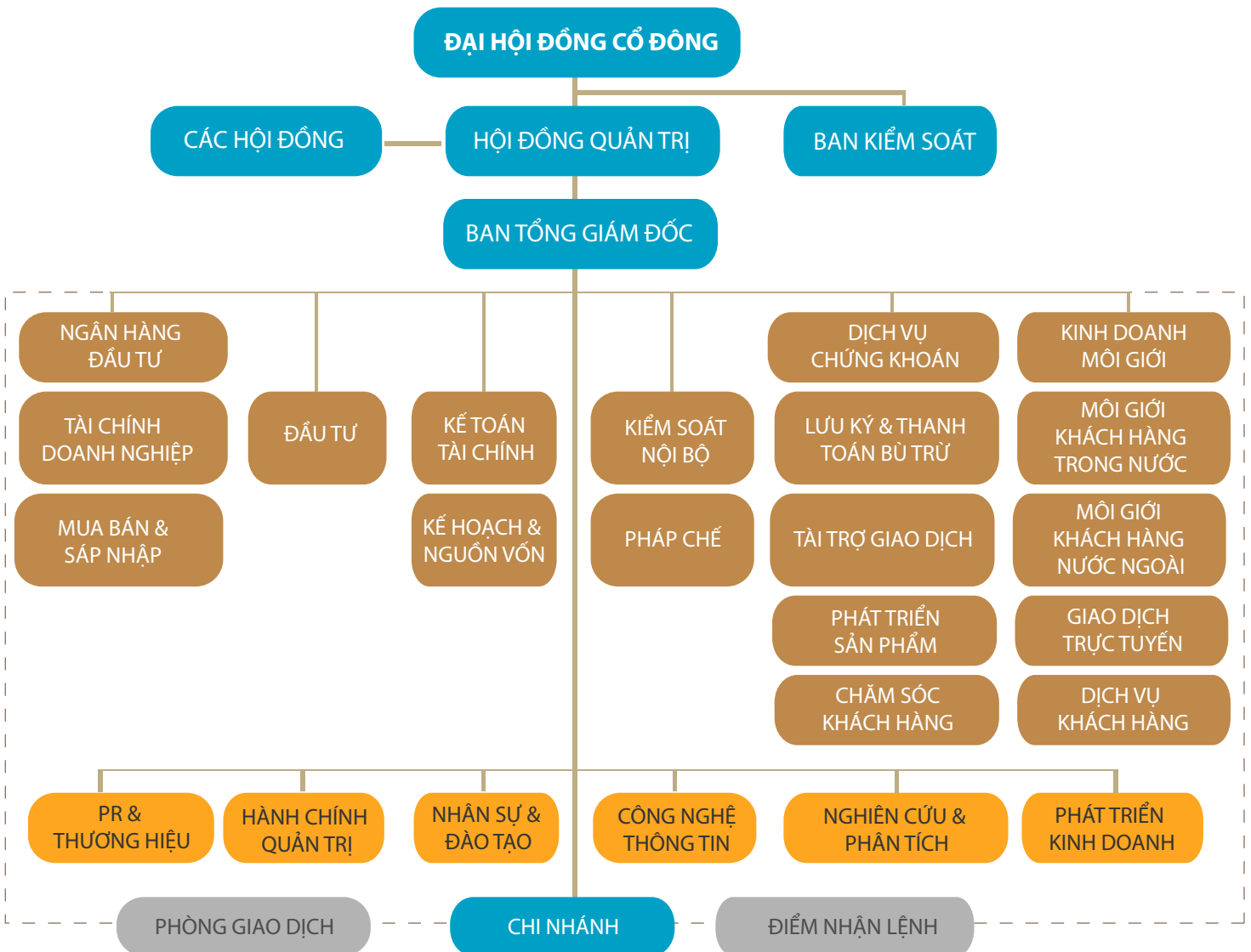
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức công ty



Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành



Ông Nguyễn Miên Tuấn

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm
Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/12/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 308/9 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng

Quá trình công tác:

Từ 1999 – 2003: Chuyên viên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM

Từ 2003 – 2006: Chuyên viên đầu tư, Phó Trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư, Trưởng phòng Đầu Tư NH TMCP Sài Gòn Thương Tín

Từ 2006 – nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Rồng Việt.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP Pymepharco.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 16/06/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 220/50A/9A Xô Viết Nghệ Tĩnh,
Q.Bình Thạnh, Tp. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

Từ 1998 – 2000: Nhân viên tín dụng Sở Giao dịch II
– Ngân hàng Công thương Việt Nam

Từ 2000 – 2003: Chuyên viên Môi giới, Phó trưởng
phòng Môi giới Công ty Chứng khoán Công
Thương, Chi nhánh Tp. HCM

Từ 2003 – 2006: Chuyên viên môi giới, Phó Phòng,
Trưởng phòng Môi giới CTCP Chứng khoán Tp.
HCM

Từ 2006 – nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Chứng
khoán Rồng Việt

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Ông Nguyễn Hiếu
Phó Tổng Giám đốc



Ông Võ Duy Đạo
Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 14/02/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 89 Vạn Kiếp, Phường 3, Quận Bình Thạnh, Tp. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 10/1996 - 10/2007: Công tác tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank). Trong thời gian công tác tại Sacombank, đã đảm nhiệm các chức vụ như sau:

- Trưởng Phòng Tín dụng Hội sở Sacombank
- Giám đốc Chi nhánh Khánh Hòa.
- Trưởng phòng Thẩm định Hội sở Sacombank
- Trưởng phòng Chính sách Hội sở Sacombank
- Trưởng phòng Kế hoạch Chiến lược Hội sở Sacombank
- Trưởng Ban Quản lý Dự án thành lập Công ty Liên doanh thẻ Sacombank – ANZ

Từ 11/2007 – 9/2009: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

Từ 9/2009 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/05/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Căn hộ số 16.06, Lô A, Chung cư Phường 12, Quận 3, Tp. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 1998 – 2003: Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Công thương Việt Nam – SGD II

Từ 2003 – 2006: Chuyên viên, Phó phòng, Trưởng phòng Đầu tư – Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. HCM

Từ 2007 – 2007: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Sài Gòn Á Châu

Từ 2007 – nay: Giám đốc Khối Đầu tư kiêm Khối Tư vấn TCDN, Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không



Ông Nguyễn Minh Nhựt

Phó Tổng Giám đốc





Ông Nguyễn Hữu Tú
Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/06/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 128 B4, Khu Đại Kim Định Công, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

Từ 2000 – 09/2000: Chuyên viên nghiệp vụ Hội sở chính Ngân hàng Công thương Việt Nam

Từ 2000 – 2002: Chuyên viên nghiệp vụ Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Từ 2002 – 2007: Phó Trưởng Phòng Tự doanh - Phát hành, Trưởng Phòng Tự doanh - Phát hành, Trưởng Phòng Tư vấn Tài chính doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Công Thương Việt Nam;

Từ 2007 – 2008: Phó Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công Thương Việt Nam.

Từ 2008 – nay: Giám đốc chi nhánh Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

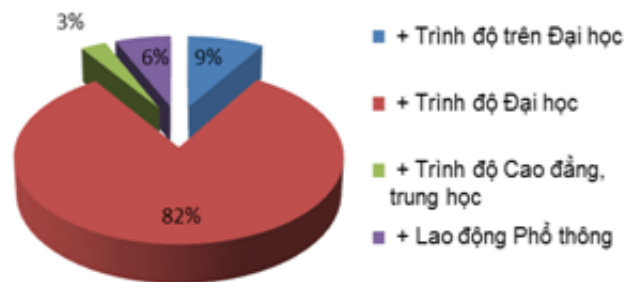
Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm

Không có.

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tính đến ngày 31/12/2009, tổng số lao động của công ty là 172 người với cơ cấu lao động như sau:

<i>Trình độ lao động</i>	<i>SL lao động 31/12/2009</i>
Tổng số LĐ	172
+ Trên Đại học	15
+ Đại học	141
+ Cao đẳng, trung học	5
+ Lao động Phổ thông	11



Về tiền lương

Công ty xây dựng quy chế lương riêng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù hoạt động của công ty phù hợp quy định của pháp luật. Chính sách lương, thưởng đảm bảo khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào hiệu quả hoạt động của toàn công ty.

Về chính sách đào tạo

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung:

- Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.
- Đối với cán bộ, công nhân viên chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.

- Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.
- Hàng năm các phòng, ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát, kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.

VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Chế độ khen thưởng:

Chế độ khen thưởng của VDSC gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ. VDSC có các chế độ khen thưởng cơ bản như sau: hoàn thành công việc; nhân viên và đơn vị xuất sắc trong năm; nhân viên giỏi trong năm; nhân viên giỏi nghiệp vụ; nhân viên phục vụ tốt khách hàng; nhân viên có sáng kiến.

Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội:

Tất cả nhân viên chính thức của VDSC được hưởng các chế độ phụ cấp bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế phù hợp với Luật lao động. Ngoài ra, tùy lĩnh vực công tác mà nhân viên VDSC còn nhận được phụ cấp khác như: phụ cấp độc hại, phụ cấp rủi ro, phụ cấp chuyên môn, ...

Phúc lợi:

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, VDSC còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết Nguyên Đán, 30/4, ...); khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho Cán bộ nhân viên; cấp phát trang phục làm việc, nón bảo hiểm; chế độ nghỉ mát.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thay đổi thành viên

HĐQT, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

Đại hội đồng cổ đông thông qua về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS và bầu bổ sung thành viên BKS mới như sau:

Miễn nhiệm	
Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Kim	Thành viên HĐQT
Ông Lưu Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên BKS
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên BKS
Bầu bổ sung thành viên BKS nhiệm kỳ 2006-2011	
Họ và tên	Chức vụ
Ông: Nguyễn Văn Minh	Thành viên BKS
Ông: Đào Công Thắng	Thành viên BKS

Đại hội đồng Cổ đông thường niên 06/03/2010 đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và duy trì số lượng thành viên HĐQT là 06 thành viên; miễn nhiệm 02 thành viên Ban kiểm soát và bầu bổ sung 02 thành viên mới vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2006 – 2011.



■ Công nghệ là
yếu tố sống còn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

A large, stylized red dragon logo is centered on the page. The dragon is depicted in a circular, swirling form, with its head and tail curving around each other. The dragon's body is a solid red color, and its features are defined by white outlines. The background of the logo is a light blue gradient.

**THÔNG TIN CỔ ĐÔNG
VÀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thành phần của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Stt	Họ và Tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông NGUYỄN THÀNH LONG	Chủ tịch	Thành viên độc lập
	Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) Tổng Giám đốc Công ty Vàng bạc Đá quý Tp. Hồ Chí Minh (SJC)		
2	Ông PHẠM HỮU PHÚ	Phó chủ tịch	Thành viên độc lập
	Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) Chủ tịch HĐQT CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long Chủ tịch HĐQT CTCP Bất động sản Eximland.		
3	Ông NGUYỄN MIÊN TUẤN	Thành viên	TV không độc lập
	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (VDSC) Thành viên HĐQT CTCP Pymepharco		
4	Ông NGUYỄN ANH TÙNG	Thành viên	Thành viên độc lập
	Kế toán trưởng Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Sài Gòn (Sapaco); Thành viên HĐQT CTCP Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn (APT); Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Hợp tác Kinh tế và XNK Savimex; Thành viên Ban Kiểm soát CTCP XNK Tổng hợp và Đầu tư Tp. HCM; Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam		
5	Ông NGUYỄN VẠN LÝ	Thành viên	Thành viên độc lập
	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Exim - Sài Gòn		
6	Ông NGUYỄN THỨC VINH	Thành viên	Thành viên độc lập
	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long Thành viên HĐQT CTCP Cao su Kỹ thuật Đồng Phú		

BAN KIỂM SOÁT			
<i>Stt</i>	<i>Họ và Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Ông TÔN THẤT DIÊN KHOA	Trưởng ban	
	Giám đốc Đầu tư Tài chính Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam; Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Phát triển Nhà Thủ Đức; Thành viên HĐQT CTCP Thủy sản số 1; Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Vinaconex-ITC		
2	Ông ĐÀO CÔNG THẮNG	Thành viên	
	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng phòng kế hoạch đầu tư Công ty Vàng bạc Đá quý Sài Gòn SJC; Ủy viên Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý SJC – Minh Khai; Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương.		
3	Ông NGUYỄN VĂN MINH	Thành viên	
	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cung ứng Tàu biển Sài Gòn; Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu.		

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2009

Trong năm 2009, Hội đồng quản trị đã có 14 phiên họp quyết định các nội dung quan trọng sau:

- Định hướng hoạt động và kế hoạch kinh doanh năm 2009
- Thông qua phương án cơ cấu bộ máy tổ chức
- Giải pháp cắt giảm chi phí hoạt động trong năm 2009
- Thông qua việc vay vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý III/2009 và lũy kế 9 tháng đầu năm 2009.
- Kế hoạch kinh doanh Quý IV 2009.
- Phương án đầu tư hệ thống công nghệ thông tin.
- Phương án di dời trụ sở chính và thành lập các chi nhánh.
- Thông qua kế hoạch vay vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh - hạn mức 400 tỷ đồng
- Báo cáo tình hình hoạt động của VDSC trong 10 tháng đầu năm 2009.
- Phương án đầu tư CNTT.

7 THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Ký kết hợp đồng hợp tác với Satra
- Biên bản tổng hợp ý kiến HĐQT về việc chọn lựa nhà cung cấp Hệ thống phần mềm quản lý chứng khoán lỗi
- Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh tháng 11/2009 và dự kiến kết quả kinh doanh năm 2009.
- Kế hoạch kinh doanh năm 2010.
- Trình ban hành quy chế lương và thưởng theo doanh số.
- Báo cáo tình hình và định hướng hoạt động dịch vụ chứng khoán năm 2010.
- Đề xuất thành lập Hội đồng đầu tư tài sản cho dự án đầu tư hệ thống lõi chứng khoán.

Ngoài ra, tại các phiên họp Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đều xem xét, thảo luận và quyết định việc triển khai các nội dung kinh doanh theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2009

Trong năm 2009, với nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt tham gia giám sát và đề xuất các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, cụ thể như sau:

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 và kế hoạch kinh doanh năm 2010;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2009;
- Xem xét tính minh bạch và kịp thời của quá trình công bố thông tin nhằm đảm bảo quyền lợi cho các nhà đầu tư và cổ đông.
- Giám sát việc thực hiện đúng các Quy chế, quy định của Công ty.

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của công ty

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2009, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không được cấp thù lao và chi phí hoạt động trong năm 2009.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên hội đồng quản trị

Không có.

Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan.

Không có.

Các dữ liệu thống kê về cổ đông tại thời điểm 31/12/2009

Thông tin chung về cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
1. Tổ chức	9	16.909.100	51,24
- Trong nước	9	16.909.100	51,24
- Nước ngoài	-	-	-
2. Cá nhân	488	16.090.900	48,76
- Trong nước	487	16.071.400	48,70
- Nước ngoài	1	19.500	0,06
Tổng cộng	497	33.000.000	100,00%

Nguồn: Danh sách cổ đông của VDSC

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 31/12/2009

STT	Tên Cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank)	059023	Số 7, Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, Tp. HCM	5.970.000	18,09
2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra)	4106000103	275B Phạm Ngũ Lão, Q. 1, Tp. HCM	2.430.000	7,36
3	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	4103002438	Lầu 1, 21-23 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, Tp. HCM	5.180.000	15,70
4	Công ty CP Cung ứng tàu biển Sài Gòn	4103004388	2A Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q. 1	2.430.750	7,37
@	Tổng cộng			16.010.750	48,52

Nguồn: Danh sách cổ đông của VDSC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ tại thời điểm 31/12/2009

STT	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank)	Số 7, Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, Tp. HCM	5.970.000	18,09
2	Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra)	275B Phạm Ngũ Lão, Q. 1, Tp. HCM	2.430.000	7,36
3	CTCP Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu	Lầu 1, 21-23 Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, Tp. HCM	5.180.000	15,70
4	Ông Nguyễn Miên Tuấn	308/9 Hoàng Văn Thụ, P. 4, Q. Tân Bình, Tp. HCM	535.000	1,62
5	Ông Nguyễn Vạn Lý	20/C76 Đường 3/2, P.12, Q.10, Tp. HCM	500.000	1,52
@	Tổng cộng		14.865.000	45,04

Nguồn: Danh sách cổ đông của VDSC

Ghi chú: (*) Vốn điều lệ thời điểm 08/02/2010 là 330 tỷ đồng.



TRỤ SỞ CHÍNH

141 Nguyễn Du, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: 08.62 992 006
Fax: 08.62 917 986